

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 957/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Thảo
2. Ông Lê Ngọc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 07 -9 -2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 468/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Hương G, sinh năm 1979; Thường trú: Đ, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: P, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm: 1975; Địa chỉ: đường D, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-5-2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Hương G trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Hùng D tự nguyện chung sống với nhau năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Chứng nhận kết hôn số 18/2000, quyền số 01/P.16 do Ủy ban nhân dân phường 16 quận Tân Bình (nay là phường Tân Quý, quận Tân Phú) cấp ngày 20/11/2000.

Sau khi cưới, vợ chồng ở tại gia đình ông D đến khi xảy ra mâu thuẫn trầm trọng thì bà về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay.

Vợ chồng chung sống được ba năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D không quan tâm chăm lo cho gia đình. Việc này đã xảy ra nhiều năm, bà vì thương con nên đã tha thứ nhưng ông D vẫn không thay đổi, đến nay thì bà không còn niềm tin vào ông D. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay, mỗi người ở một nơi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Bà và ông D có hai con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/8/2001 và Nguyễn P, sinh ngày 04/7/2011. Hiện tại, trẻ H đang ở với ông D, trẻ P đang ở với bà nên khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi trẻ P và giao trẻ H cho ông D nuôi dưỡng để không ảnh hưởng đến sinh hoạt, học hành của các con khi bà và ông D ly hôn. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận việc kết hôn và thời gian chung sống như bà G trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng hai năm gần đây thì vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lỗi của ông. Nay bà G yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Ông đã thấy mình sai chỉ mong bà G tha thứ để vợ chồng đoàn tụ lo cho con.

Về quan hệ con chung: Ông và bà G có hai con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/8/2001 và Nguyễn P, sinh ngày 04/7/2011. Nếu Tòa án có chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.
- Ông D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật : Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được qui định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G. Về quan hệ con chung: Giao trẻ P cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ H cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho các bên do các bên không yêu cầu. Về quan hệ tài sản chung : Hai bên tự thỏa thuận giải quyết; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2000, quyền số 01/P.16 do Ủy ban nhân dân phường 16 quận Tân Bình (nay là phường Tân Quý, quận Tân Phú), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông D cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà G yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông D theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông D vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà G yêu cầu ly hôn. Ông D không đồng ý ly hôn. Đây là vấn đề tranh chấp cần xem xét.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà G và ông D cùng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Ông D thừa nhận mình có lỗi và mong muốn bà G tha thứ để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà G xác nhận bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông D vẫn không thay đổi, nay bà không còn niềm tin cũng như tình cảm với ông D nên không thể tiếp tục chung sống với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa bà G và ông D đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

- *Về quan hệ con chung*: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/8/2001 và Nguyễn P, sinh ngày 04/7/2011. Khi ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi trẻ P và giao trẻ H cho ông D nuôi dưỡng. Ông D yêu cầu nuôi hai con chung trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

Xét, trong quá trình giải quyết, Tòa án yêu cầu ông D cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con thì ông D không cung cấp mà không có lý do. Mặc khác, trẻ P có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông D là không có cơ sở chấp nhận.

Xét, việc giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng là dựa vào quyền lợi và nguyện vọng của con. Để đảm bảo lợi ích mọi mặt của các con và phù hợp với nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ P cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ H cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà G và ông D do các bên không yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Các bên tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà G đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011056 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà G đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Hương G.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc Hương G được ly hôn với ông Nguyễn Hùng D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2000, quyền số 01/P.16 do Ủy ban nhân dân phường 16 quận Tân Bình (nay là phường Tân Quý, quận Tân Phú), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2000 cho bà G và ông D hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- *Về quan hệ con chung:* Hai bên xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/8/2001 và Nguyễn P, sinh ngày 04/7/2011. Khi ly hôn, giao trẻ H cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ P cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà G và ông D do các bên không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Bà G, ông D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Hai bên xác nhận không có.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc Hương G chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà G đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011056 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo.

Bà Nguyễn Ngọc Hương G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hùng D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND Phường Tân Quý, Q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai